

Số: 623/2020/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 564/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Phạm Bích N sinh năm: 1979

* **Bị đơn:** Anh Trịnh Lam S sinh năm: 1978

Cùng HKTT: C T, phường Đ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Hiện cùng trú tại: Phòng A-C khu đô thị V, phường Đ, quận Long Biên, Hà Nội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 211, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2020;

XÉT THẤY

Chị Phạm Bích N và anh Trịnh Lam S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 12 năm 2002 (Giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 2002) tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của anh chị được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27/10/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Bích N và anh Trịnh Lam S .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh chị có 03 con chung là Trịnh Nam K , sinh ngày: 05/08/2003; Trịnh Minh C , sinh ngày: 07/06/2009 và Trịnh Khang N , sinh ngày: 02/12/2014. Sau ly hôn, chị Phạm Bích N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả ba con chung là cháu Trịnh Nam K , sinh ngày 05/08/2003; cháu Trịnh Minh C , sinh ngày 07/06/2009 và cháu Trịnh Khang N , sinh ngày 02/12/2014. Anh Trịnh Lam S đóng góp tiền nuôi con là 6.000.000đồng/tháng (sáu triệu) cho cả ba con (mỗi con 2.000.000đồng/tháng) kể từ tháng 11/2020 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Trịnh Lam S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung:**

+ Động sản: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

+ Bất động sản: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- **Về công nợ chung:** Anh chị không nợ ai, không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Bích N tự nguyện chịu cả 1500.000 đồng án phí ly hôn, 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, Hà Nội – theo biên lai số 0017055 ngày 25 tháng 09 năm 2020.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSDN quận Long Biên;
- UBND phường N Lâm,
Quận Long Biên, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Hồng Hạnh